

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **3492/UBND-KTN**

*Bình Định, ngày 24 tháng 7 năm 2015*

V/v báo cáo tình hình phân bổ và  
sử dụng kinh phí khắc phục hậu  
quả hạn hán, xâm nhập mặn năm  
2014, vụ Đông Xuân 2014 – 2015  
trên địa bàn tỉnh Bình Định

Kính gửi:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Tổng cục Thủy lợi.

Thực hiện Văn bản số 5098/BNN-TCTL ngày 29/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc báo cáo việc phân bổ và sử dụng kinh phí khắc phục hậu quả hạn hán, xâm nhập mặn năm 2014, vụ Đông Xuân 2015; UBND tỉnh Bình Định báo cáo với các nội dung như sau:

1. Kinh phí Trung ương bổ sung có mục tiêu để hỗ trợ khắc phục hậu quả hạn hán và xâm nhập mặn vụ Đông Xuân và vụ Hè Thu năm 2014 là 19.100 triệu đồng. (Quyết định số 1689/QĐ-TTg ngày 18/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 13888/BTC-NSNN ngày 01/10/2014 của Bộ Tài chính )

2. Kết quả phân bổ kinh phí khắc phục hậu quả hạn hán và xâm nhập mặn vụ Đông Xuân và vụ Hè Thu năm 2014 cho UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị trong tỉnh với tổng kinh phí 19.100 triệu đồng (Kèm theo Quyết định số 3530/QĐ-UBND ngày 22/10/2014 của UBND tỉnh)

3. Kinh phí quyết toán 19.092,325 triệu đồng

*( Số liệu chi tiết có mẫu biểu đính kèm)*

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT. *Me*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, PCT Trần Thị Thu Hà;
- Sở NN&PTNT, TC;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K10 *me*

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Thị Thu Hà**



### BẢNG MẪU BÁO CÁO

Kết quả phân bổ, sử dụng kinh phí hỗ trợ khắc phục hậu quả hạn hán, xâm nhập mặn năm 2014 và vụ Đông Xuân 2014-2015

Kết quả phân bổ, sử dụng kinh phí hỗ trợ khắc phục hậu quả hạn hán, xâm nhập mặn năm 2014 và vụ Đông Xuân 2014-2015  
Số: 3492/UBND-KTN ngày 24/7/2015 của UBND tỉnh Bình Định

DVT: Triệu đồng

| TT        | Đơn vị sử dụng                      | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Kinh phí phân bổ | Kinh phí quyết toán | Tiến độ thực hiện |            | Ghi chú |
|-----------|-------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------|-------------------|------------|---------|
|           |                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                  |                     | Bắt đầu           | Kết thúc   |         |
| 1         | Huyện An Lão                        | Hỗ trợ cấp nước uống, sinh hoạt cho người và gia súc; Hỗ trợ cấp nước tưới và phục vụ sản xuất; Công trình cấp nước sinh hoạt thị trấn Phù Mỹ để cấp nước cho nhân dân xã Mỹ Quang và Mỹ Chánh Tây; Cấp nước sinh hoạt xã Mỹ Châu, huyện Phù Mỹ; Sửa chữa nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ; Hệ thống cấp nước sinh hoạt tại thôn Kiều An, xã Cát Tân, huyện Phù Cát; Hệ thống cấp nước sinh hoạt cho khu tái định cư phục vụ khu công nghiệp Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn; Hỗ trợ xây dựng tuyến nước của các công trình cấp nước sinh hoạt xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn và sửa chữa cống tràn, để đề chống xâm nhập mặn hệ thống đề đồng | 600              | 600                 | Từ ngày 01/7/2014 | 31/12/2014 |         |
| 2         | Huyện Hoài Ân                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1.700            | 1.700               | Từ ngày 01/7/2014 | 31/12/2014 |         |
| 3         | Huyện Hoài Nhơn                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1.500            | 1.500               | Từ ngày 01/7/2014 | 31/12/2014 |         |
| 4         | Huyện Phù Mỹ                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4.864            | 4.864               | Từ ngày 01/7/2014 | 31/12/2014 |         |
| 5         | Huyện Phù Cát                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3.650            | 3.650               | Từ ngày 01/7/2014 | 31/12/2014 |         |
| 6         | Huyện Tuy Phước                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 700              | 700                 | Từ ngày 01/7/2014 | 31/12/2014 |         |
| 7         | Huyện Vân Canh                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 600              | 600                 | Từ ngày 01/7/2014 | 31/12/2014 |         |
| 8         | Huyện Tây Sơn                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1.900            | 1.900               | Từ ngày 01/7/2014 | 31/12/2014 |         |
| 9         | Huyện Vĩnh Thạnh                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 200              | 200                 | Từ ngày 01/7/2014 | 31/12/2014 |         |
| 10        | Thị xã An Nhơn                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 700              | 700                 | Từ ngày 01/7/2014 | 31/12/2014 |         |
| 11        | TP. Quy Nhơn                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 800              | 800                 | Từ ngày 01/7/2014 | 31/12/2014 |         |
| 12        | Công ty TNHHKTCT thủy lợi Bình Định |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 700              | 700                 | Từ ngày 01/7/2014 | 31/12/2014 |         |
| 13        | Chi cục Thủy lợi, đề điều và PCLB   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 300              | 292,325             | Từ ngày 01/7/2014 | 31/12/2014 |         |
| 14        | Trung tâm nước sạch và VSMTNT       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 636              | 636                 | Từ ngày 01/7/2014 | 31/12/2014 |         |
| 15        | Trung tâm giống thủy sản            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 250              | 250                 | Từ ngày 01/7/2014 | 31/12/2014 |         |
| Tổng cộng |                                     | 0                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 19.100           | 19.092,325          | -                 |            |         |